

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ- ST  
Ngày: 13-7-2021  
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thủy
2. Ông Nguyễn Thế Phụng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964 (xin vắng mặt)  
Nơi ĐKKHKT: 70/74 đường N, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh  
Nơi ở hiện nay (Nơi ĐKKT3): Tổ 10, khu phố T, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Tấn T), sinh năm 1956 (có mặt)  
Địa chỉ: Khu N2, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19-3-2021, tại đơn đề nghị ngày 16-6-2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn cùng nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15-02-1985. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ năm 1992 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh năm 1985 và Nguyễn Trần T, sinh năm 1990, hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện ở xa, dịch bệnh nên bà không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa ly hôn giữa bà và ông T được, bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị K kết hôn cùng nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15-02-1985. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ năm 1992 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà K có đơn xin ly hôn, ông nhất T ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông và bà K có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh năm 1985 và Nguyễn Trần T, sinh năm 1990, hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, bà K, ông T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà K. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn ông Nguyễn Văn T; về nuôi con chung: Không đặt ra yêu cầu giải quyết; về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Bà K phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K kết hôn với ông Nguyễn Văn T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15-02-1985, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, đôi bên không khắc phục được, đã sống ly thân từ năm 1992 đến nay. Xét thấy bà K và ông T sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà K có đơn xin ly hôn, ông T nhất T ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà K, xử cho bà K được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà K và ông T có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh năm 1985 và Nguyễn Trần T, sinh năm 1990, hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Bà K và ông T đều trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà K phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T.
2. *Về nuôi con chung:* Không giải quyết.
3. *Về chia tài sản chung:* Không giải quyết.

*4. Về án phí:* Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003203 ngày 19-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (bà K đã nộp đủ).

*5. Về quyền kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND P. 7, Q. 3, Tp Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Bích Thủy**



